TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **91**/2019/DS - ST
Ngày: 06-11-2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thìn.

Bà Trần Thị Hồng Ngọc.

- *Thư ký Tòa án:* Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 381/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2019/QĐXXST - DS ngày 09/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S**.

Trụ sở: Lầu 8, 266-268 N, Phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Anh T** – Chức vụ: Nhân viên. (Văn bản ủy quyền số: 901/2019/UQ-TTT ngày 17/6/2019).

Địa chỉ: 228 đường 30/4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Phan Hữu T,** sinh năm 1983.

Hộ khẩu thường trú: 135 C, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T và ông T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2017, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S do ông Nguyễn Anh T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18/01/2012, Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Phan Hữu T ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000đồng, ông Phan Hữu T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 37.370.100đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 48.620.000đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 11/11/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 14.643.318đồng sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 06/11/2015 ông T còn nợ tổng cộng 37.579.412đồng (trong đó nợ gốc: 14.643.318đồng, lãi quá hạn 22.936.094đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu ông Phan Hữu T phải thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/11/2019 là: 37.579.412đồng (trong đó nợ gốc: 14.643.318đồng, lãi quá hạn 22.936.094đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/11/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

- Tại bản tự khai ngày 30/7/2019, biên bản phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải bị đơn ông Phan Hữu T trình bày:

Ông có sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại Ngân hàng thương mại cổ phần S, hiện nay số tiền nợ gốc: 14.643.318đồng, ông xác nhận số tiền nợ gốc 14.643.318đồng. Ông không đồng ý khoản tiền lãi suất vì Ngân hàng tính lãi suất quá cao, đề nghị Tòa án xem xét.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Ngày 18/01/2012, Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Phan Hữu T ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, với số tiền 20.000.000đồng, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000đồng, ông Phan Hữu T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 37.370.100đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 48.620.000đồng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 11/11/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 14.643.318đồng sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 06/11/2015 ông T còn nợ tổng cộng 37.579.412đồng (trong đó nợ gốc: 14.643.318đồng, lãi quá hạn 22.936.094đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu ông Phan Hữu T phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 06/11/2019 là: 37.579.412đồng (trong đó nợ gốc: 14.643.318đồng, lãi quá hạn 22.936.094đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/11/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005: Buộc ông Phan Hữu T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng cộng 37.579.412đồng (trong đó nợ gốc: 14.643.318đồng, lãi quá hạn 22.936.094đồng).

Về án phí: Bị đơn ông Phan Hữu T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 04/10/2019 ông Phan Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt ông Phan Hữu T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 06/11/2019 ông Nguyễn Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt ông Nguyễn Anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục ủy quyền: Ngày 17/6/2019 đại diện theo pháp luật Ngân hàng thương mại cổ phần S có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Anh T là người đại diện cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tham gia giải quyết vụ án theo văn bản ủy quyền số: 901/2019/UQ-TTT ngày 17/6/2019 là phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[3] Về nội dung vụ án:

Ngày 18/01/2012, Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Phan Hữu T ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, với số tiền 20.000.000đồng, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000đồng, ông Phan Hữu T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 37.370.100đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 48.620.000đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 11/11/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 14.643.318đồng sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 06/11/2015 ông T còn nợ tổng cộng 37.579.412đồng (trong đó nợ gốc: 14.643.318đồng, lãi quá hạn 22.936.094đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu ông Phan Hữu T phải thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/11/2019 là: 37.579.412đồng (trong đó nợ gốc: 14.643.318đồng, lãi quá hạn 22.936.094đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/11/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án ông Phan Hữu T thừa nhận có sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại Ngân hàng thương mại cổ phần S, hiện nay số tiền nợ gốc: 14.643.318đồng, ông Phan Hữu T xác nhận số tiền nợ gốc 14.643.318đồng. Ông Phan Hữu T không đồng ý khoản tiền lãi suất vì Ngân hàng tính lãi suất quá cao.

Theo quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 11/11/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 14.643.318đồng sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại là phù hợp với điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của đơn vị phát hành thẻ).

Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S là có cơ sở chấp nhận. Buộc ông Phan Hữu T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/01/2012, số tiền nợ gốc: 14.643.318đồng, lãi quá hạn 22.936.094đồng). Tổng cộng: 37.579.412đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm mười hai đồng).

[4] Về án phí: Ông Phan Hữu T phải chịu án 1.878.970 đồng (Một triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 638.000đồng (Sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0028283 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, 35, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với ông Phan Hữu T.

Buộc ông Phan Hữu T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 14.643.318đồng (Mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm mười tám đồng), lãi quá hạn 22.936.094đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn không trăm chín mươi bốn đồng). Tổng cộng 37.579.412đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày 07/11/2019 ông Phan Hữu T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Phan Hữu T phải chịu 1.878.970 (Một triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 638.000đồng (Sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0028283 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Phan Hữu T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- THA TP. Biên Hòa;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Đương sự;

- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Kim Dung